

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2018.

V/v tranh chấp: “ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Trần Thị Long**.

+ Ông **Dương Minh Ngọc**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy** - Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: bà
Phan Thị Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh H, sinh năm: 1984, trú tại: thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

2. Bị đơn: Chị B, sinh năm: 1985, hộ khẩu thường trú: thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của **nguyên đơn** anh H tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay:

Anh H và chị B tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào năm 2009. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian sinh sống với nhau chị B xem thường và không tôn trọng anh H và mẹ anh H, thường hay xúc phạm anh H và mẹ anh H. Chị B thường xuyên bỏ nhà đi không chăm lo cho gia đình. Anh H và chị B đã sống ly thân trong một thời gian dài. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn.

Về con chung có 01 cháu: A, sinh năm 2010. Nếu ly hôn về con chung giao cho ai nuôi tùy theo nguyện vọng của con; nếu anh H nuôi cháu thì anh H yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, còn chị B nuôi thì anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy

định của pháp luật.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

Bị đơn chị B trình bày:

Về điều kiện và thời gian kết hôn chị B đồng ý như anh H khai. Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào năm 2009. Về nguyên nhân mâu thuẫn do ở với mẹ chồng không hòa hợp, chị B đã cố gắng sống với mẹ chồng nhưng không được lòng mẹ chồng và dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Nay anh H yêu cầu ly hôn chị B không đồng ý, yêu cầu Tòa án cho đoàn tụ.

Về con chung có 01 cháu: A, sinh năm 2010. Nếu ly hôn về con chung chị B yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành cũng đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho chị B theo quy định của pháp luật nên vụ án vẫn được xét xử theo quy định tại khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị B tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N vào tháng 05/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị B là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống anh H và chị B phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh H làm đơn yêu cầu ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H là do chị B thường xuyên tự ý bỏ nhà đi, không tôn trọng chồng và mẹ chồng, không chăm lo cho gia đình. Chị B cho rằng mâu thuẫn do quan hệ giữa chị và mẹ chồng không hòa hợp. Mặc khác tại đơn xin hoãn phiên tòa ngày 14/12/2017, chị B còn cho rằng anh H có quan hệ ngoại tình với người khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đến hòa giải mong hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng anh H cương quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Tại lần triệu tập để hòa giải lần hai chị B không đến tham gia mà không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Theo trình bày của anh H hiện tại chị B tự ý bỏ nhà đi và không sống chung với anh H; vợ chồng phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Lời trình bày của anh H phù hợp với kết quả xác minh tại UBND thị trấn N ngày 01/11/2017, nội

dung “hiện nay chị B không ở cùng nhà với anh H ở thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam”.

Theo chị B nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến việc anh H làm đơn yêu cầu ly hôn chị. Lời trình bày của chị B không được anh H thừa nhận, chị B cũng không có chứng cứ chứng minh nên không xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh H có quan hệ ngoại tình.

Ngoài ra, cả chị B và anh H đều thừa nhận do quan hệ giữa mẹ chồng và chị B không tốt dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nhau.

Như vậy thực tế, hôn nhân của anh H và chị B có kéo dài cuộc sống chung thì mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Con chung: có một con tên A, sinh ngày 15/9/2010. Chị B và anh H đã thống nhất tại biên bản hòa giải ngày 10/10/2017 giao con chung A cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Việc nuôi con cho ai cần đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho cháu A. Hiện cháu A đang được chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 04/12/2017 cháu A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu A, sinh ngày: 15/9/2010 cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay anh H không thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng 2.000.000 đồng, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy anh H có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 2/2018 đến khi cháu A thành niên đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

(3) Án phí HN&GD sơ thẩm anh H phải nộp 300.000đ được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0001593 ngày 10/10/2017. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh H phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh H và chị B.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu A, sinh ngày: 15/9/2010 cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

2.1 Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu A thành niên đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Không có.

5. Án phí HN&GD sơ thẩm anh H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0001593 ngày 10/10/2017. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết, anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKSND huyện Núi Thành;
- Các bên đương sự để thi hành;
- Thi hành án huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Bùi Đình Dũng